

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 35/2024/HS-ST.
Ngày: 11/7/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Tuấn.

2. Bà Phạm Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trịnh Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1991, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Q, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Năm 2008 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng (thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/03/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến: Ông Võ A – Tổ P, thị trấn Đ (X xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 05/3/2024, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 82HA-005.67 đi đến ngã tư đường P và đường T, thành phố K gặp

người đàn ông tên C1 (*chưa xác định nhân thân, lý lịch*) để mua ma túy. Khi gặp Đ đưa cho C1 số tiền 3.000.000 đồng rồi C1 chỉ cho Đ đi về phía cây cột điện gần đó nơi C1 đã để sẵn 01 (một) bì ni lông bên trong có 10 (*mười*) bì ni lông có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng. Đ đi đến cầm số ma túy trên rồi bỏ vào túi quần đang mặc và điều khiển xe đi về nhà tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, Đ lấy 01 bì ni lông bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng để sử dụng, sau đó Đ cất số ma túy còn lại để trên bàn trong phòng ngủ của Đ. Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 06/03/2024, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang Lê Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đồng thời thu giữ 09 (*chín*) bì ni lông bên trong mỗi bì ni lông chứa ma túy đá, gồm: 08 (*tám*) bì ni lông được hàn kín hai đầu, có cùng kích thước khoảng (02x01) cm, 01 (*một*) bì ni lông dạng túi zip, có kích thước (2,5x02) cm để trên bàn trong phòng ngủ của Đ. Tiếp tục kiểm tra, lực lượng Cảnh sát điều tra phát hiện tại vị trí trên giường ngủ có 01 (*một*) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy đá. Đ khai nhận, 09 (*chín*) bì ni lông trên bên trong chứa ma túy đá, cất giấu nhằm mục đích sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số: 68/KL-KTHS ngày 12/3/2024 của Phòng K - Công an tỉnh K, kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được đánh số từ “01” đến “09”), chất rắn màu trắng (ký hiệu “10”), chất rắn màu nâu (ký hiệu “11”) được niêm phong trong bì thư gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 1,098 gam.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSĐH ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng, quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2024; bị cáo là người khuyết tật và là lao động tự do có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đã được thu giữ ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật và hối hận về hành vi của mình; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 06/3/2024, tại nơi cư trú của bị cáo Lê Văn Đ ở tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang bị cáo Lê Văn Đ có hành vi cất giấu 09 bì ni lông, bên trong có chứa tổng cộng 1,098 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, đặc biệt là tình hình tội phạm về ma túy hiện nay xảy ra ngày càng gia tăng. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử công khai, kịp thời là cần thiết đồng thời

cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Năm 2008 bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình ngoài ra bị cáo có giấy xác nhận là người khuyết tật nặng (dạng khuyết tật: Vận động), đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Bản thân bị cáo là người khuyết tật, không có nghề nghiệp, là lao động tự do và có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Một số nội dung có liên quan:*

Đối với người đàn ông tên C1, theo lời khai của bị cáo là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 05/3/2024 tại khu vực ngã tư đường P - T, thành phố K, có đặc điểm: Cao khoảng 1m60, da trắng, tóc cắt ngắn, nói giọng người vùng miền B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành xác minh tại Công an phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối với người đàn ông tên C1, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] *Về xử lý vật chứng của vụ án:*

Đối với số ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 68/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh K và 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Xét thấy, ma túy là chất Nhà nước cấm tàng trữ trái phép và các vật dụng mà bị cáo dùng để cất giấu, sử dụng ma túy. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát: 82HA-005.67 là của chị Lê Thị L (*em gái ruột của bị cáo Lê Văn Đ*): Ngày 05/3/2024, Lê Văn Đ mượn xe mô tô nói trên của chị L để đi công việc; việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện để đi mua ma túy tại thành phố K thì chị L hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ đối với xe mô tô nói trên nên không xem xét.

[8] *Án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với số ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định, tất cả được niêm phong trong 01 (một) phong bì số 68/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh K và có các chữ kí ghi tên của người niêm phong theo quy định (Kèm theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định); 01 (một) bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, có đặc điểm 01 (một) lọ thủy tinh màu nâu, trên thân lọ thủy tinh có đục lỗ và gắn với đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng, xanh.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn Đ được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/7/2024) bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Cơ quan ĐTCA huyện Đắk Hà;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Bị cáo;
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

